

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	784.09	↑ 3.01	↑ 0.39
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	681.84	↑ 3.84	↑ 0.57
PVN ALLSHARE	663.71	↑ 3.33	↑ 0.5
PVN ALLSHARE HNX	559.38	↑ 0.95	↑ 0.17
PVN ALLSHARE HSX	715.76	↑ 4.4	↑ 0.62
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1052.17	↓ -2.9	↓ -0.27
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	845.07	↑ 7.04	↑ 0.84
PVN Tài Chính	588.88	↓ -1.52	↓ -0.26
PVN Công Nghiệp	464.85	↑ 0.85	↑ 0.18
PVN Dầu Khí	636.65	↑ 5.11	↑ 0.81
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	746.4	↑ 13.03	↑ 1.78

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	416.10 ↑	3.55	0.86%
KLGD (triệu ck)	21.90 ↓	-5.72	-20.71%
GTGD (tỷ đồng)	330.81 ↓	-95.47	-22.40%
Tổng cung (triệu ck)	104.34 ↓	-6.04	-5.47%
Tổng cầu (triệu ck)	118.43 ↓	-8.24	-6.50%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.21 ↓	-0.16	-12.00%
KL bán (triệu ck)	0.66 ↓	-1.13	-63.01%
Giá trị mua (tỷ đồng)	38.78 ↓	-8.00	-17.10%
Giá trị bán (tỷ đồng)	15.34 ↓	-36.52	-70.42%

Nhận định thị trường:

Theo báo cáo kinh tế tháng 7 của UBGSTCQG thì CPI có khả năng tăng trở lại trong các tháng tới. Về bản chất việc CPI giảm thấp trong thời gian qua đang dựa nhiều vào các yếu tố bên ngoài (giá lương thực, thực phẩm và xăng dầu) nên việc lạm phát giảm thấp sẽ chỉ mang tính tạm thời và các yếu tố này có thể tác động ngược trở lại Cpi trong các tháng tới. Báo cáo của ủy ban cũng đề cập tới tổng cung – tổng cầu nền kinh tế với nhận xét rằng cả hai yếu tố này đang ở mức rất yếu.

Mặc dù lạm phát đã được kìm chế với chỉ số lạm phát giảm còn 5% trong tháng 7 từ mức đỉnh điểm 23% của năm 2011, nhưng nhu cầu yếu đã khiến ngành sản xuất tiếp tục chậm lại. Điều này góp phần để HSBC dự báo sẽ có thêm đợt cắt giảm lãi suất thêm 1% trong thời gian tới.

Theo Thông tư số 52/2011/TT-BTC, một số CTCK bắt đầu công bố tỷ lệ vốn khả dụng, cụ thể: VSEC 370%, chứng khoán Navibank 267%, chứng khoán An Thành 290%, Sao Việt 160%, Trí Việt 203%, Phụng Hoàng 209%.

Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn (CSG) vừa mới công bố quyết định về việc giải thể công ty, thông qua danh sách ban thanh lý tài sản, qui chế của ban và việc hủy niêm yết cổ phiếu CSG. Trước đó, cổ phiếu TRI cũng triệu tập ĐHCĐ bất thường để bàn về việc giải thể công ty.

Sự tăng điểm của VN-index phiên hôm nay phụ thuộc nhiều vào các cổ phiếu vốn hóa lớn. KQKD 6 tháng đầu năm của hầu hết các cổ phiếu vốn hóa lớn đều ở mức độ tích cực là yếu tố có sức tác động đến chỉ số sàn HSX. Tuy nhiên, sức mua trên hai sàn thực tế vẫn chưa có nhiều cải thiện, và thanh khoản khớp lệnh vẫn tiếp tục giảm mặc dù đã ở mức thấp cận kiệt. Chừng nào thanh khoản thị trường vẫn chưa được cải thiện thì khi đó sẽ khó có thể kỳ vọng vào một sự phục hồi bền vững của thị trường.

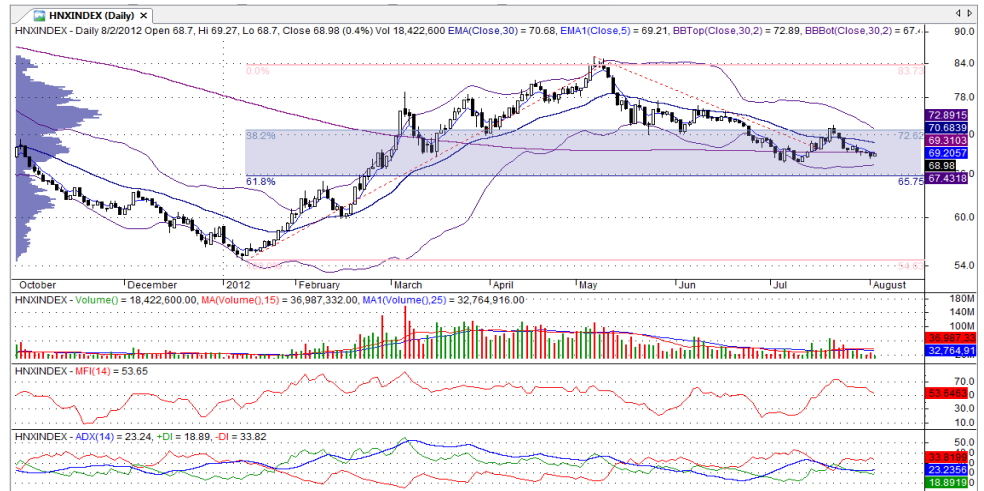
Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

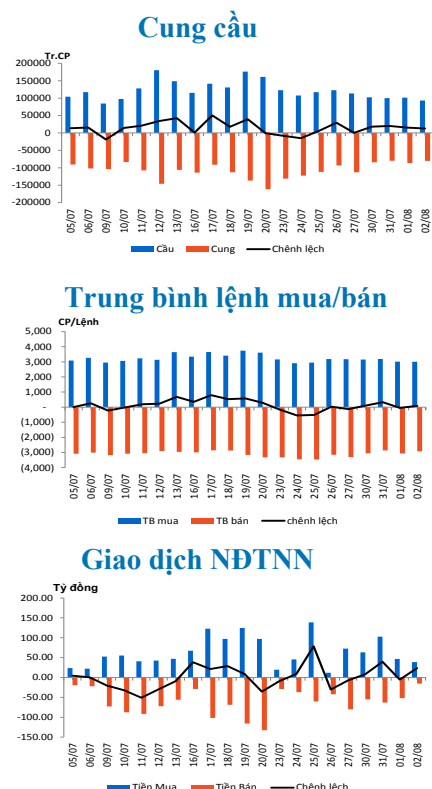
	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	68.98 ↑	0.28	0.41%
KLGD (triệu ck)	25.49 ↓	-6.14	-19.40%
GTGD (tỷ đồng)	427.67 ↓	-53.84	-11.18%
Tổng cung (triệu ck)	41.48 ↓	-2.95	-6.64%
Tổng cầu (triệu ck)	40.96 ↓	-6.52	-13.73%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.94 ↑	0.50	113.15%
KL bán (triệu ck)	0.53 ↓	-0.78	-59.50%
Giá trị mua (tỷ đồng)	10.72 ↑	6.01	127.90%
Giá trị bán (tỷ đồng)	6.99 ↓	-7.47	-51.66%



Đồ thị HNX-Index.

Thanh khoản tiếp tục giảm, công cụ dòng tiền MFI tiếp tục đi xuống, các công cụ xu thế ở mức thấp kỷ lục. Sự phục hồi nhẹ với các tín hiệu như trên không mang ý nghĩa nào tích cực. Xác suất giảm vẫn còn hiện hữu trừ khi có các tín hiệu tích cực từ thông tin hỗ trợ và dòng tiền tham gia TTCK.

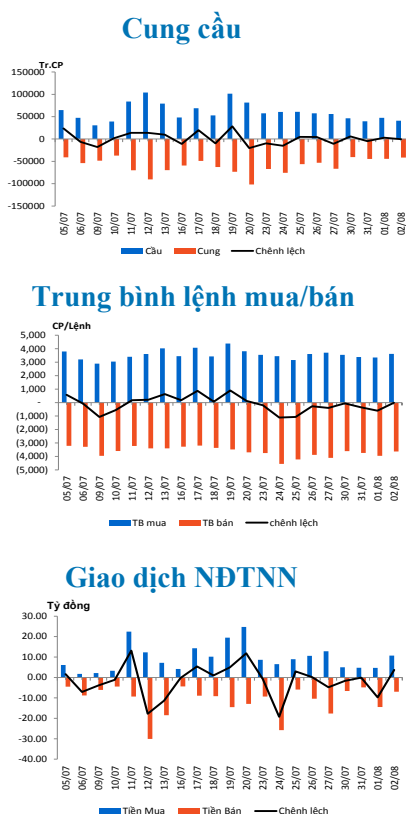
Thông kê tổng quan HNX-Index			
Giá trị cao nhất trong 6 tháng: 84 điểm		Giá trị thấp nhất trong 6 tháng: 60 điểm	
Khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân			
10 ngày	1 tháng	3 tháng	6 tháng
33,338,910	34,171,832	43,696,828	59,426,968
KLGD cao nhất/tháng: 66,338,100 cp		KLGD thấp nhất/tháng: 18,422,600 cp	
Kháng cự ngắn hạn: 72 điểm		Hỗ trợ ngắn hạn: 65 điểm	
Kháng cự trung hạn: 82.3 điểm		Hỗ trợ trung hạn: 55.2 điểm	
ADX cho thấy HNX-Index trong xu thế giảm ngắn hạn và dao động sideways (trung hạn). Sức mạnh xu thế hiện hữu: Mức trạng thái DI+ DI- cho thấy sức mạnh xu thế ở mức trung bình.			
KLGD bình quân ngắn hạn đang dưới mức bình quân 3 tháng cho thấy thanh khoản của HNXINDEX chỉ ở mức trung bình - tiêu cực. KLGD của HNXINDEX thấp hơn mức bình quân 10 phiên gần nhất, đang giảm dần và cạn kiệt. Công cụ dòng tiền MFI chỉ dao động ngang và giảm cho thấy chưa có tín hiệu tích cực nào từ yếu tố dòng tiền chảy vào HNXINDEX.. MFI đang ở mức 53.6463...			

HSX:**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Việc VNM tăng kịch trần cùng với mức tăng của BVH, VIC, CTG, SAM... đã giúp thị trường nhích nhẹ lên trên 414 điểm. Tuy nhiên thanh khoản ở đợt khớp lệnh đầu vẫn chưa đạt 1 triệu đơn vị. Thị trường có dấu hiệu khởi sắc hơn trong đợt khớp lệnh liên tục khi VN-Index tiếp tục tăng gần 3 điểm vượt qua mức 415 điểm, giao dịch đạt gần 1.5 triệu đơn vị sau 20 phút mở cửa.

Sau khi đạt mức tăng hơn 5 điểm và tiếp cận mốc 418 điểm thị trường yếu dần và đảo chiều đi xuống nhẹ trong nửa cuối phiên giao dịch buổi sáng. Thanh khoản đạt mức rất thấp do cả bên bán lẫn bên mua đều thận trọng. Tuy nhiên, với hơn 117 mã tăng giá, VN-Index vẫn ghi nhận mức tăng khá với 3.86 điểm, tương ứng 0.94% đạt 416.41 điểm. Thanh khoản cực thấp với khoảng 13.66 triệu đơn vị, tương đương 206 tỷ đồng bao gồm cả giao dịch thỏa thuận hơn 2.3 triệu đơn vị, trị giá 24.8 tỷ đồng.

VN-Index cuối phiên chính thức ghi nhận mức tăng 3.55 điểm, tương ứng 0.86% đạt 416.1 điểm. Thống kê giao dịch ở HOSE đến cuối phiên chỉ đạt gần 22 triệu đơn vị, tương đương 331 tỷ đồng, giảm mạnh so với phiên trước. Mặc dù vậy, thị trường ghi nhận 135 mã tăng giá, gần gấp đôi so với 72 mã giảm.

HNX:**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index bật tăng nhẹ ngay khi mở cửa lần lượt đi dần lên trên mức 69 điểm khi các mã chủ chốt như VND, SHS, PVX, KLS, VCG lần lượt tăng giá, đặc biệt là VCG tăng khá mạnh gần 5% nhờ thông tin kết quả kinh doanh quý 2 lãi lớn. Giao dịch cũng tăng chậm chạp với 1.75 triệu đơn vị lúc 9h15 và nâng lên khoảng 2.8 triệu đơn vị lúc 9h25.

Sàn HNX, đã tăng cũng bị ảnh hưởng bởi sự thận trọng của nhà đầu tư. Điều này làm HNX-Index thu hẹp biên độ tăng, còn 0.3 điểm, ứng với 0.44% đạt 69 điểm. Giao dịch đạt vốn vện 13.22 triệu đơn vị, tương đương 129 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 109 mã tăng giá, có 49 mã giảm và 238 mã đứng yên. Tuy nhiên, các mã chủ chốt không giữ được sắc xanh mà có sự phân hóa đang kể theo chiều hướng đi xuống. VND là mã duy nhất có giao dịch hơn 1 triệu đơn vị.

Tương tự ở HNX có 126 mã tăng giá, chiều ngược lại có 66 mã giảm và 204 mã đứng yên. Các mã chủ chốt như VND, PVX, KLS, ACB, PVS... trong khi VCG tăng nhẹ nhớ quý 2 có lãi và SCR giảm 1.02% sau khi công bố tiếp tục phát hành cổ phiếu thưởng năm 2012. HNX-Index cuối phiên tăng nhẹ 0.28 điểm, ứng với 0.41% nhưng không giữ nổi mốc 69 điểm, thay vào đó chỉ số đóng cửa ở 68.98 điểm.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 3 cổ phiếu giảm giá, 13 cổ phiếu đứng giá và 12 mã tăng giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PXM (tăng 4,44%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,49% và tổng khối lượng giao dịch đạt 3,477 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 02/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,200.0	-	0.00	0.46	14.05	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,300.0	1,100	0.00	0.32	30.00	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đồng Đô	4,200.0	102,900	0.00	0.25	0.41	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,300.0	130,900	1.00	1.67	1.35	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,000.0	6,800	2.27	0.83	5.70	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,000.0	123,000	2.04	0.49	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,600.0	30,100	2.10	0.87	2.18	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,600.0	1,700	0.00	1.86	4.84	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,700.0	60,800	0.00	0.69	7.70	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,400.0	4,460	0.00	0.70	8.28	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,000.0	3,500	-3.85	0.48	2.35	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,000.0	220,600	0.00	1.27	4.01	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,300.0	1,552,000	0.00	0.37	3.12	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,300.0	379,390	0.77	3.17	12.60	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	36,300.0	125,500	-0.27	2.17	5.86	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	25,900.0	5,760	0.39	1.19	3.15	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,100.0	3,570	0.00	0.61	5.18	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,000.0	35,610	0.84	0.68	2.96	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37,800.0	79,120	1.89	1.85	5.34	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,200.0	127,180	0.00	0.41	3.26	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,900.0	7,350	1.19	1.14	6.66	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	11,800.0	238,760	0.00	1.04	14.94	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,900.0	151,010	0.00	0.50	44.55	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,000.0	33,170	1.69	0.58	4.00	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,700.0	8,580	4.44	0.43	2.45	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,400.0	40,920	0.97	0.79	3.12	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,300.0	3,510	-1.85	0.49	3.49	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VIC	76,500	78,500	2.61	19,918,870
GAS	39,000	39,300	0.77	14,943,738
OGC	12,800	12,800	0.00	14,794,950
SSI	20,300	20,200	-0.49	13,390,867
VNM	89,000	93,000	4.49	14,008,590

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SQC	63,000	62,500	-0.79	222,006
VND	10,700	10,700	0.00	30,967
GBS	15,900	15,800	-0.63	16,447
SCR	9,800	9,700	-1.02	16,125
KLS	9,700	9,700	0.00	13,467

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,500	1,600	100	6.67
HHS	36,300	38,100	1,800	4.96
CSG	10,100	10,600	500	4.95
LGC	22,500	23,600	1,100	4.89
HAX	4,100	4,300	200	4.88

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CAP	24,300	26,000	1,700	7.00
SDS	4,300	4,600	300	6.98
MKV	8,600	9,200	600	6.98
DHL	8,600	9,200	600	6.98
FDT	15,800	16,900	1,100	6.96

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NVN	6,100	5,800	-300	-4.92
VTB	8,200	7,800	-400	-4.88
MCP	14,400	13,700	-700	-4.86
ELC	22,900	21,800	-1,100	-4.80
TDW	21,000	20,000	-1,000	-4.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DL1	10,000	9,300	-700	-7.00
HPR	10,400	9,700	-700	-6.73
NHC	24,000	22,400	-1,600	-6.67
ALT	10,600	9,900	-700	-6.60
INN	12,500	11,700	-800	-6.40

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	13,485	VIC	5,487
GAS	11,668	VSH	3,457
VSH	2,943	VNM	2,581
VNM	2,581	SSI	692
HBC	1,141	CSG	519

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	7,693	PVS	1,053
DXP	530	AAA	1,028
PVS	453	SDT	984
PVX	259	VNR	871
SED	229	DXP	565

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339